

Số: 121/2026/QĐST-HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 145/2026/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 9 năm 2026 giữa:

* Nguyên đơn: Chị **Lý Thị Hương N**, sinh năm 1992; Địa chỉ: **Tổ A, phường B, tỉnh Thái Nguyên**.

* Bị đơn: Anh **Nguyễn Lộc T**, sinh năm 1988, Địa chỉ: **Tổ A, phường B, tỉnh Thái Nguyên**.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5; điểm a, b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Lý Thị Hương N** và anh **Nguyễn Lộc T**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*** Về quan hệ hôn nhân:** Chị **Lý Thị Hương N** và anh **Nguyễn Lộc T** thuận tình ly hôn.

*** Về con chung:** Chị **Lý Thị Hương N** và anh **Nguyễn Lộc T** có 02 con chung là **Nguyễn Đức Đ**, sinh ngày 29/01/2018 và **Nguyễn Ánh D**, sinh ngày 30/6/2019. Hiện nay hai con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Sau ly hôn, giao 02 con chung **Nguyễn Đức Đ**, sinh ngày 29/01/2018 và **Nguyễn Ánh D**, sinh ngày 30/6/2019 cho anh **Nguyễn Lộc T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung **Nguyễn Đức Đ**, **Nguyễn Ánh D** đủ 18 tuổi. (Phù hợp với nguyện vọng của các con chung).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

*** Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Chị **Lý Thị Hương N** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung **Nguyễn Đức Đ**, **Nguyễn Ánh D** mỗi con chung 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình. Phương thức cấp dưỡng: Định kỳ hàng tháng.

Việc thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 357/BLDS hướng dẫn về việc tính lãi suất và Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

*** Về tài sản chung:** Không có.

*** Về vay nợ chung:** Không có.

* **Về án phí:** Nguyên đơn chị **Lý Thị Hương N** tự nguyện chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) và phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung sơ thẩm là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị **Lý Thị Hương N** đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000827 ngày 16 tháng 9 năm 2026 của Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Nguyên. Chị **Lý Thị Hương N** đã nộp xong án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6 và 7 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02b);
- VKSND KV6 – Thái Nguyên (3b);
- UBND phường Bắc Kạn, tỉnh Thái Nguyên;
- (Nơi đăng ký kết hôn) (01b);
- THADS tỉnh Thái Nguyên (01b);
- Tòa án tỉnh Thái Nguyên (kèm BBHGT) (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Tiến Đại